CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP VINACONEX 21

Ngày 30/09/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**6.2%**	**-1.4%**

DT thuần
Q3/25
4.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.3| -92.5%
YoY: ▼12.2| -73.9%

LN thuần
Q3/25
-3.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.38| -2815%
YoY: ▼2.87| -735%

LN sau thuế
Q3/25
-3.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.47| -1652%
YoY: ▼2.87| -736%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-51.4%
YoY: +/-▼ 53.7%

ROE (TTM)
Q3/25
-3.5%
YoY: +/-▼ 2.4%

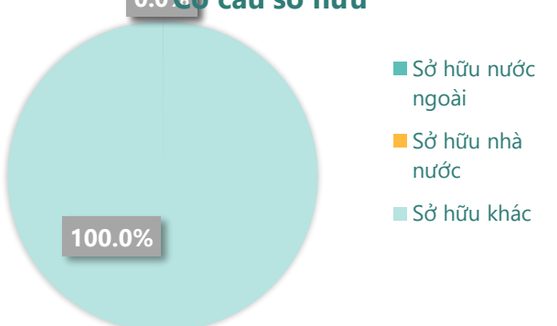
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 7,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
Số lượng CPLH (CP)	11,999,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,125
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.50
EPS	-347
P/E	-19.9

DT thuần
9T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.9| 21.6%

LN thuần
9T 2025
-3.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.02| -207%

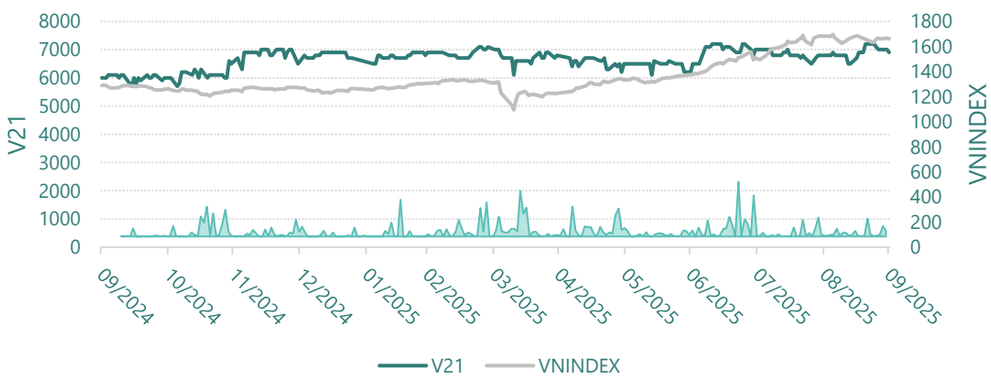
LN sau thuế
9T 2025
-2.93
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.99| -5020%

Cơ cấu sở hữu

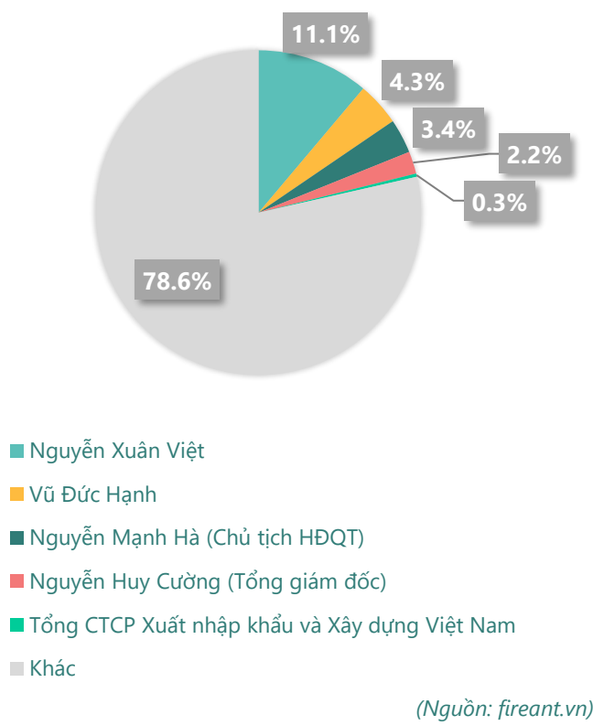


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



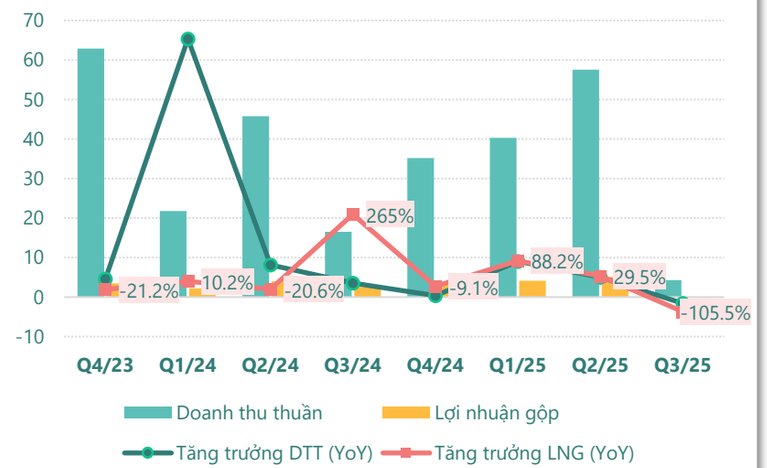
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

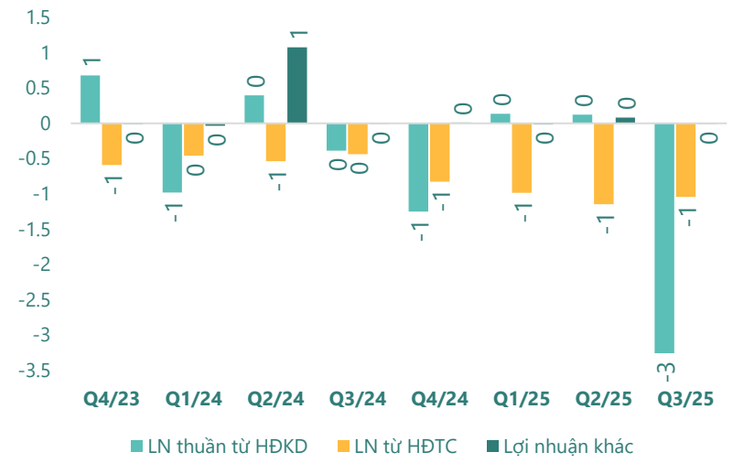
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



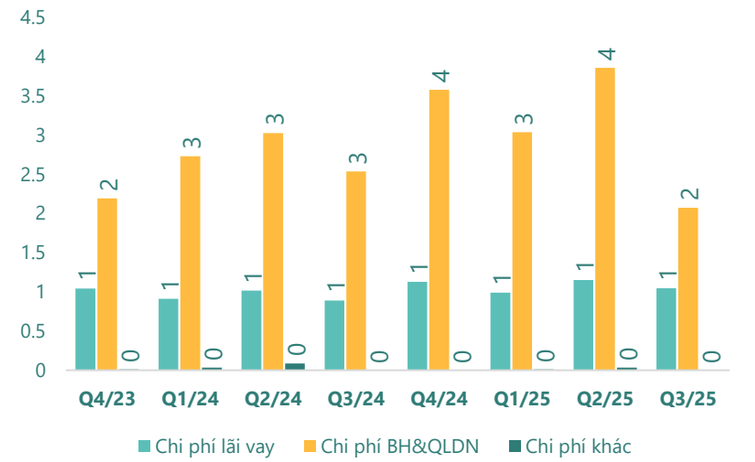
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



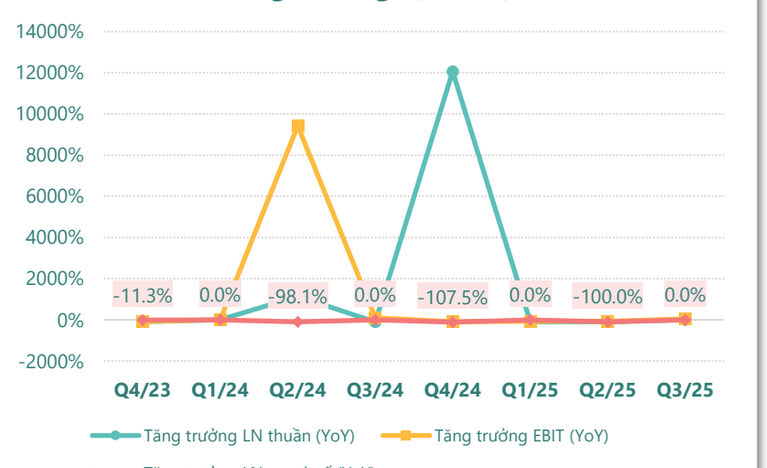
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



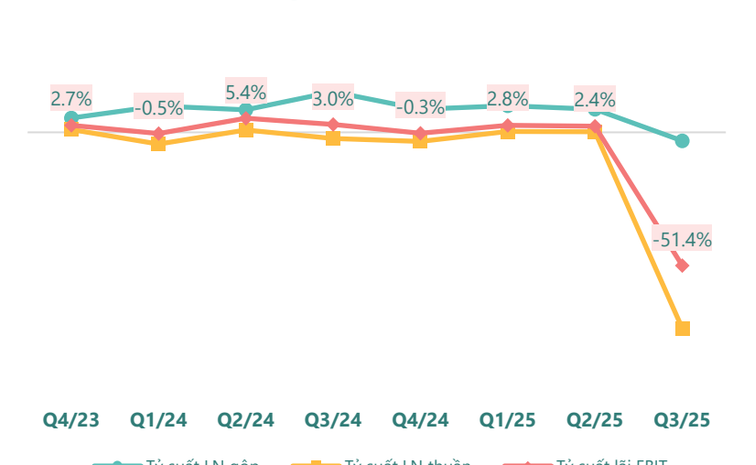
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



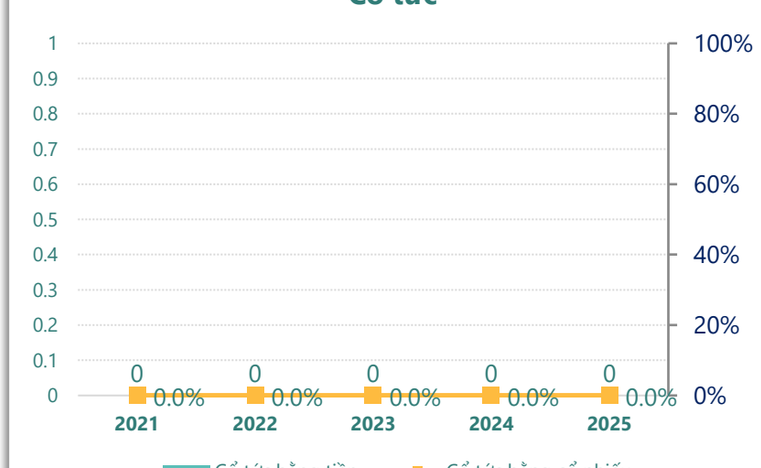
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

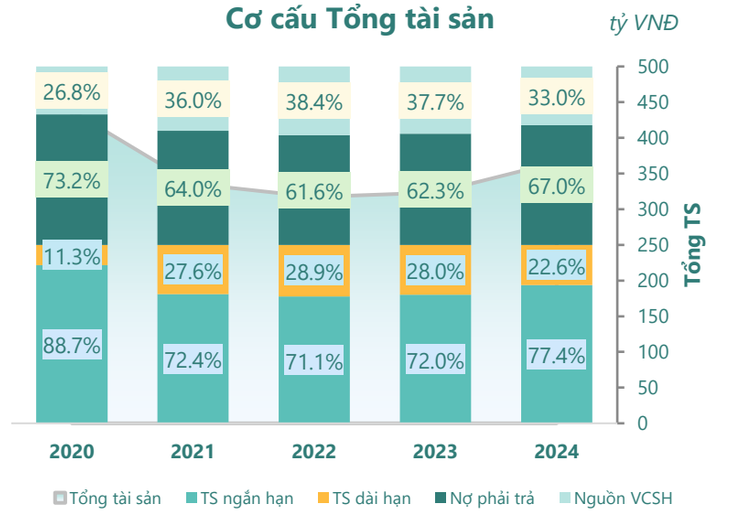
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

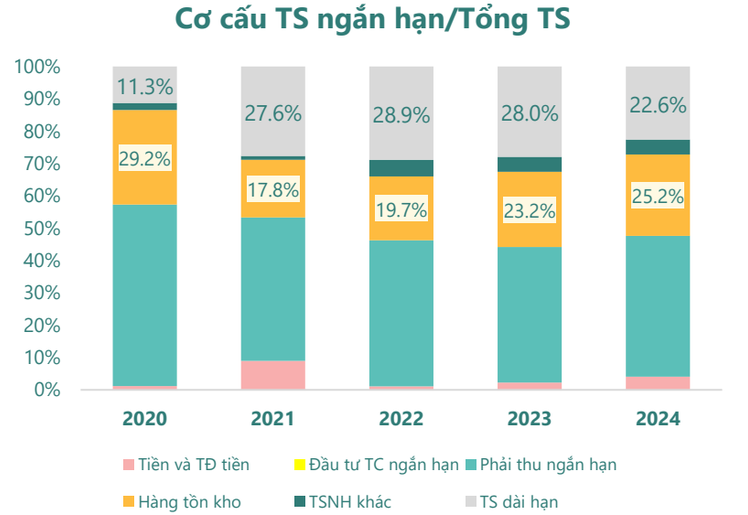
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



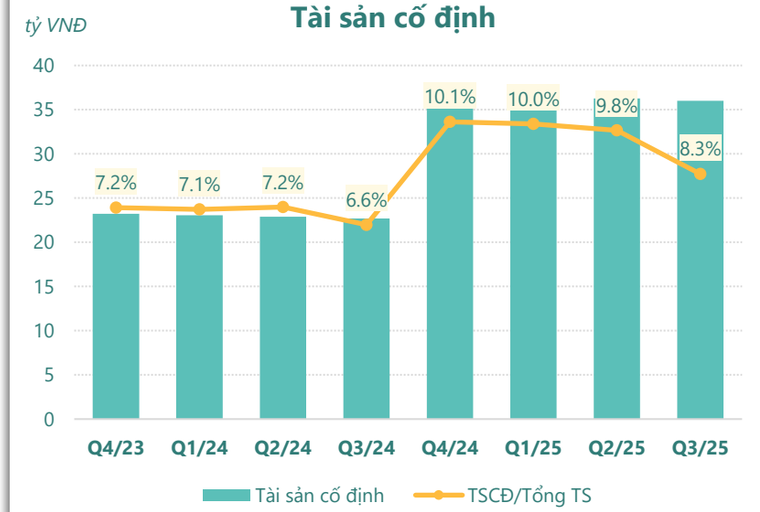
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



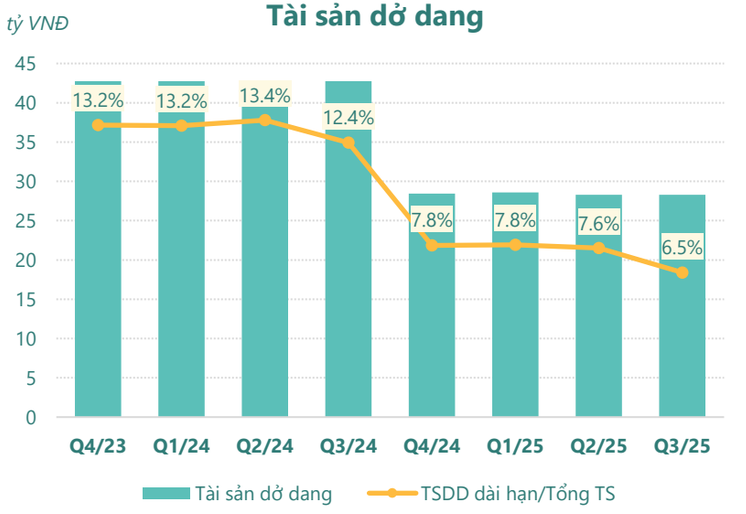
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



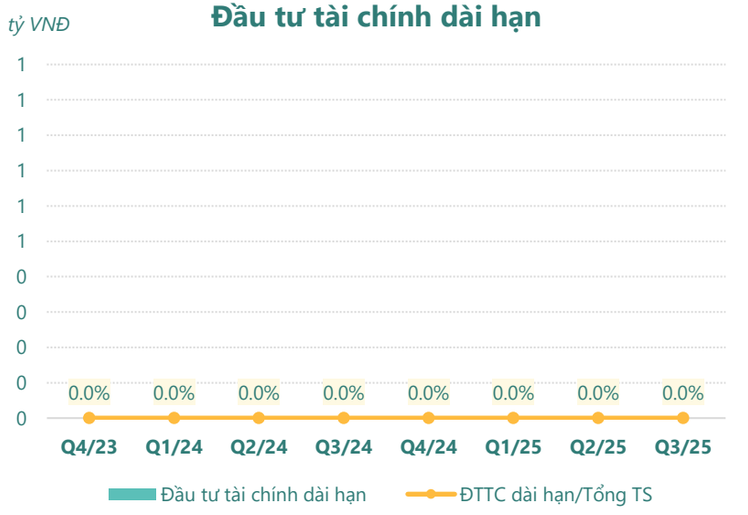
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



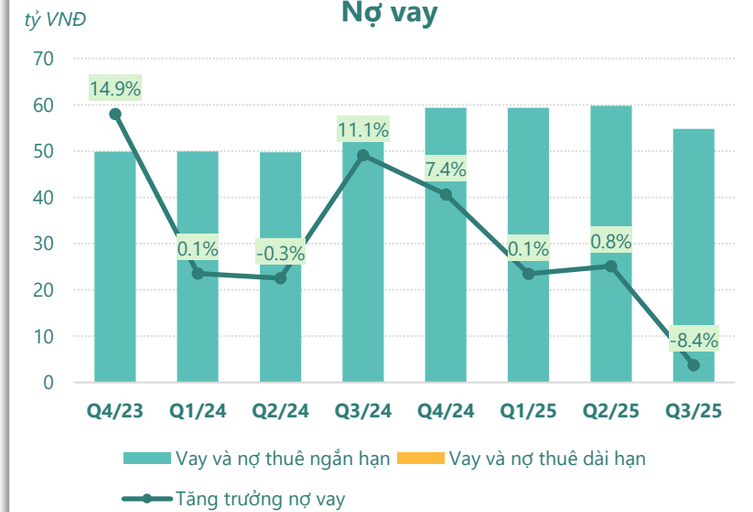
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

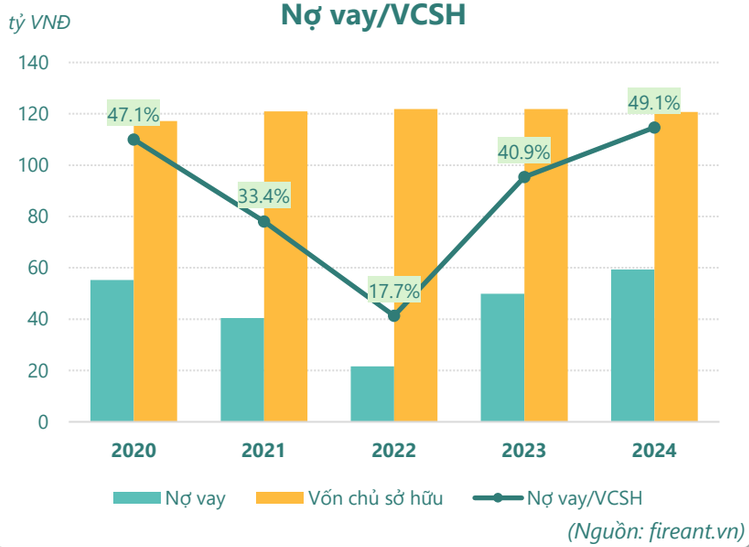
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



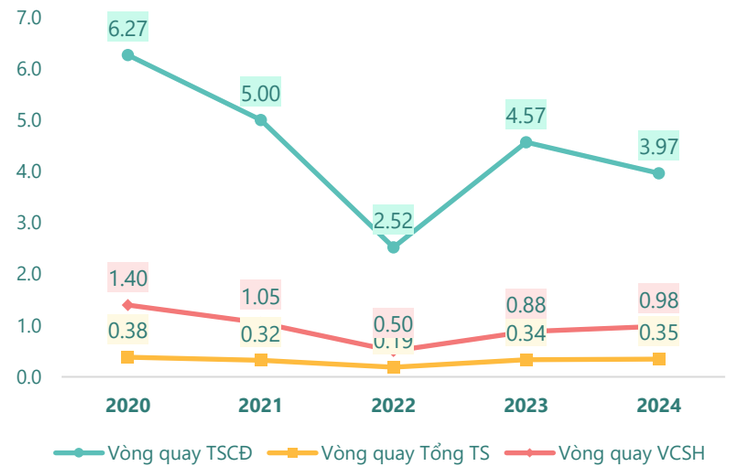
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



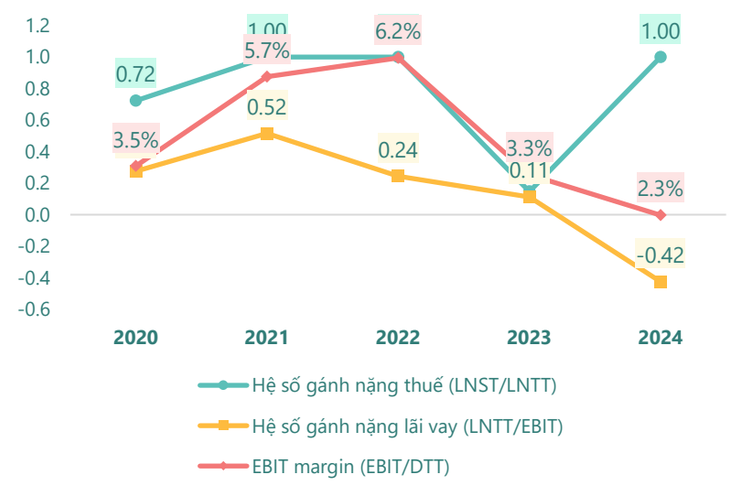
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



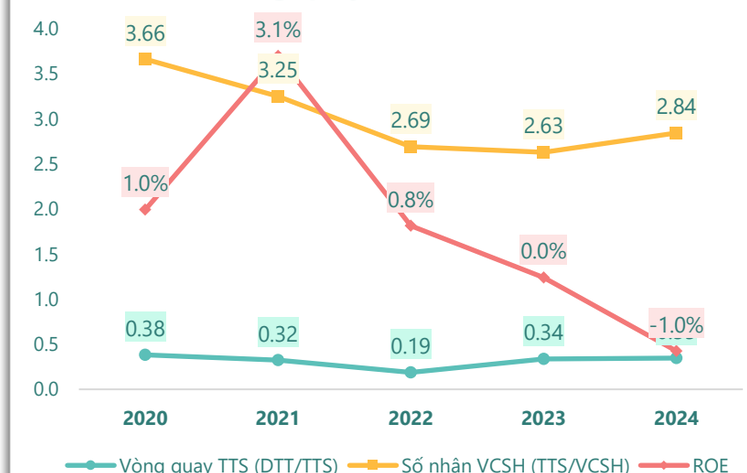
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



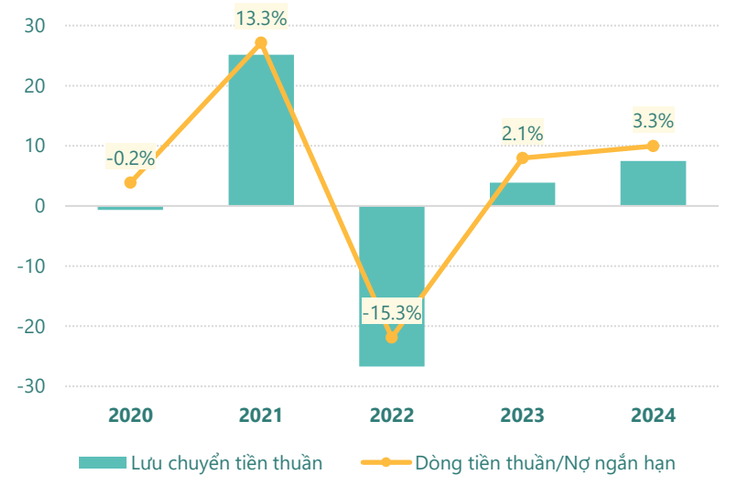
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.31**	**16.5**	**-73.9%**	**102**	**84.1**	**21.6%**
Giá vốn hàng bán	4.45	13.9	-68.0%	93.1	75.3	23.6%
Lợi nhuận gộp	-0.14	2.58	-105%	9.14	8.75	4.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.45	-99.6%	0.01	1.38	-99.5%
Chi phí TC	1.05	0.89	17.5%	3.18	2.81	13.1%
Chi phí lãi vay	1.05	0.89	17.5%	3.18	2.81	13.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.07**	**2.54**	**-18.4%**	**8.96**	**8.29**	**8.1%**
LN thuần từ HĐKD	-3.26	-0.39	-735%	-3.00	-0.98	-207%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.07**	**1.04**	**-93.5%**
LN trước thuế	-3.26	-0.39	-736%	-2.93	0.06	-4620%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.26**	**-0.39**	**-736%**	**-2.93**	**0.06**	**-5020%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.26**	**-0.39**	**-736%**	**-2.93**	**0.06**	**-5020%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.00	-0.29	-21.0	-11.8	-1.98	15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.57	0.45	22.1	-0.11	0.17	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.17	5.50	4.10	0.04	0.46	-5.03
Tiền đầu kỳ	0.57	3.97	9.63	14.8	2.92	1.57
Lưu chuyển tiền thuần	**3.40**	**5.66**	**5.18**	**-11.9**	**-1.35**	**10.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.97	9.63	14.8	2.92	1.57	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**433**	**366**	**18.2%**
Tài sản ngắn hạn	351	283	23.9%
Tiền và tương đương tiền	12.1	14.8	-18.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	208	160	30.1%
Hàng tồn kho	113	92.0	23.3%
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	16.9	5.7%
Tài sản dài hạn	**81.7**	**82.6**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	36.0	36.9	-2.5%
Bất động sản đầu tư	16.9	17.2	-1.9%
Tài sản dở dang	28.3	28.4	-0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.49**	**0.03**	**1457%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	315	245	28.4%
Nợ ngắn hạn	**295**	**225**	**31.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.8	59.3	-7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.5	50.9	-22.4%
Nợ dài hạn	19.9	20.3	-1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**118**	**121**	**-2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**118**	**121**	**-2.4%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)